TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trúc Việt
2. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bích Tr, sinh năm 1991; Có mặt.
HKTT: số nhà 48B, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Tr, sinh năm 1986; Vắng mặt.
HKTT: số nhà 164, ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
(Anh Trung có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Bích Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hải Tr cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, hai bên thường xuyên cự cãi, anh Tr mãi ăn nhậu không lo làm ăn. Chị và anh Tr đã sống ly thân từ tháng 02/2015 đến nay. Nay chị Tr xác định

không còn tình cảm với anh Tr và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr .

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trâm A , sinh ngày 28/02/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị Tr . Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các biên bản làm việc, bị đơn anh Nguyễn Hải Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tr và chị Tr tìm hiểu 06 năm và tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Sau khi cưới thì anh Tr và chị Tr chung sống ở nhà anh Tr được gần một năm. Sau đó chị Tr về nhà cha mẹ ruột ở ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre sinh sống. Theo anh Tr thì trong quá trình vợ chồng chung sống không có xảy ra mâu thuẫn gì do chị Tr sống ở nhà cha mẹ ruột quen nên không đồng ý về nhà anh Tr nữa. Do đó, anh Tr và chị Tr cũng đã ly thân khoảng 04 năm nay. Nay chị xin ly hôn thì anh Tr đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Nguyễn Trâm A , sinh ngày 28/02/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị Tr . Khi ly hôn anh Tr yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Hội đồng xét xử giao con cho chị Tr nuôi thì anh Tr không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr .

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh Tr có phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Tr không tham gia phiên hòa giải. Điều đó cho thấy anh Tr không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị Tr xin ly hôn anh Tr đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh Tr đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr .Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Tr , ghi nhận chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa chị Dương Thị Bích Tr với anh Nguyễn Hải Tr là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Tr hiện đang cư trú tại xã D,

huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre . Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Anh Tr có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về hôn nhân: Chị Tr và anh Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/01/2013 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Tr và anh Tr sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Tr lo ăn nhậu, không lo cho gia đình. Hai bên cũng đã sống ly thân khoảng 02/2015 đến nay. Xét thấy, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị Tr , anh Tr đã xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Tr không tham gia phiên hòa giải. Điều đó cho thấy, anh Tr không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay chị Tr xin ly hôn thì anh Tr cũng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy giữa chị Tr và anh Tr mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr .

[3] Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trâm A , sinh ngày 28/02/2015. Cả chị Tr và anh Tr đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Tr đang trực tiếp nuôi con chung; chị Tr đang đi làm ở công ty và có thu nhập ổn định. Anh Tr có yêu cầu được nuôi con nhưng anh Tr không đảm bảo điều kiện để nuôi con do anh Tr không có đi làm, mọi chi phí sinh hoạt của anh Tr đều do mẹ anh lo. Khi anh Tr cần xài tiền thì mẹ anh sẽ đưa. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu Trâm A , Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Tr ; ghi nhận việc chị Tr không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Bích Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hải Tr

2. Về nuôi con chung: Chị Tr được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Trâm A , sinh ngày 28/02/2015. Ghi nhận việc chị Tr không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Hai bên khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020692 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Chị Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tr vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã D, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh